

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 93/ACEFOODS/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công Ty Cổ Phần Thực Phẩm Thiên Vương

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Khang, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 02437832562

Fax: 02437832563

Email: info@acefoods.vn

Mã số doanh nghiệp: 0102190423

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP số 115/2023/NNPTNT-HAN

Ngày cấp/Nơi cấp: 01-06-2023/ Chi cục QL chất lượng nông lâm sản và thủy sản Hà Nội

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Sữa tiết trùng Happy Barn 3,8 %

2. Thành phần: 100 % sữa bò tiết trùng 3,8 % chất béo

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng sử dụng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất/hạn sử dụng in trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Sản phẩm được đóng gói trong hộp giấy tráng màng PE đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ y tế

- Thể tích: 200 ml ; 250 ml ; 500 ml ; 1 lít ; 2 lít hoặc theo yêu cầu của khách hàng

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất:

Nhà sản xuất: Spółdzielnia Mleczarska „MLEKPOL” w.Grajewie

Địa chỉ: Oddział Zakład Produkcji Mleczarskiej w Grajewie ul. Elewatorska 13, 19-203 Grajewo, Poland

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 5-1:2010/BYT : quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa dạng lỏng



- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP: nghị định về nhãn hàng hóa.
- Nghị định số 111/2021/NĐ-CP: Sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP: nghị định về nhãn hàng hóa.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT

Phạm Hồng Mai

190
SG
PH
C PH
N VU
Y-1

NHÃN PHỤ SẢN PHẨM

- 1. Tên sản phẩm:** Sữa tiệt trùng Happy Barn 3,8 %
- 2. Thành phần:** 100 % sữa bò tiệt trùng 3,8 % chất béo
- 3. Thể tích thực:** 1 lít
- 4. Xuất xứ :** Ba Lan
- 5. Ngày sản xuất/Ngày đóng gói :** In trên bao bì sản phẩm
- 6. Hạn sử dụng :** 12 tháng sử dụng kể từ ngày sản xuất/ngày đóng gói in trên bao bì
- 7. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản :**
 - **Hướng dẫn sử dụng:** Dùng trực tiếp hoặc chế biến thức ăn
 - **Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sau khi mở nắp bảo quản lạnh 2°C đến 4°C (Nên dùng hết sau 2 ngày mở nắp)
- 8. Thông tin cảnh báo:** Không sử dụng sản phẩm khi quá hạn sử dụng hoặc hộp có dấu hiệu bị phồng
- 9. Nhà sản xuất:** Spółdzielnia Mleczarska „MLEKPOL” w.Grajewie
Địa chỉ: Oddział Zakład Produkcji Mleczarskiej w Grajewie ul. Elewatorska 13, 19-203 Grajewo, Poland
- 10. Nhập khẩu và phân phối độc quyền:**
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM THIÊN VƯƠNG (ACE FOODS)
Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Khang, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Hotline: 098 659 8899
Tư vấn sản phẩm: 096 2939 668
Email: info@acefoods.vn
Website: www.acefoods.vn

www.acefoodsplus.vn





MILK

UHT **3,8%**

FAT CONTENT/FETTGEHALT/ΛΙΠΟΣ

H-MILCH
Γάλα UHT

Nutrition: Typical Values per 250 ml of product:

Energy	Fat	Saturates	Sugar	Salt
688 kJ 165 kcal	9,5 g	5,8 g	12 g	0,25g
8%*	14%*	29%*	13%*	4%*

*RI – Reference intake of an average adult
(8 400 kJ / 2 000 kcal)

Energy per 100 ml of product 275 kJ / 66 kcal.

1L



DAIRY GOODS

UHT MILK 3,8% fat content

1 LITRE

Nutrition: Typical Values	per 100 ml of product:	per 250 ml of serving:	% RI* per 250 ml of serving:
Energy	275 kJ/66 kcal	688 kJ/165 kcal	8 %
Fat	3,8 g	9,5 g	14 %
of which:			
- Saturates	2,3 g	5,8 g	29 %
Carbohydrates	4,7 g	12 g	5 %
of which:			
- Sugars	4,7 g	12 g	13 %
Protein	3,2 g	8,0 g	16 %
Salt	0,10 g	0,25 g	4 %

*RI - Reference intake of an average adult
(8 400 kJ / 2 000 kcal)

Salt content results only from the presence
of naturally appearing sodium. Package 1 litre
contains 4 servings.

For Best Before Date: see top of the pack.
Store below +25°C. After opening keep
refrigerated for no longer than 48h.
Expiry date is the batch number.



Spółdzielnia Mleczarska „MLEKPOL” w Grajewie
Oddział Zakład Produkcji Mleczarskiej w Grajewie
ul. Elewatorska 13, 19-203 Grajewo
www.mlekpole.com.pl

Produced in Poland / Hergestellt in Polen /
Παράχθηκε στην Πολωνία





HAPPY BARN

DAIRY GOODS

H-MILCH

Fettgehalt 3,8%

Γάλα UHT

Περιεκτικότητα

σε λίπος 3,8%

1

LITER/ΛΙΤΡΑ

Nährwert/ Διατροφική Δήλωση	Pro 100 ml: / σε 100 ml προϊόντος:	Pro Portion 250 ml: / Σε μερίδα 250 ml:	%RM* pro Portion 250 ml: / ΠΠΑ* (Αναφορά διατροφικών τιμών) σε μερίδα 250ml:
Energiewert/ Ενέργεια	275 kJ/66 kcal	688 kJ/165 kcal	8 %
Fett/Λιπαρά	3,8 g	9,5 g	14 %
darin / εκ των οποίων			
gesättigte Fettsäuren / Κορεσμένα	2,3 g	5,8 g	29 %
- Kohlenhydrate/ - Υδατάνθρακες	4,7 g	12 g	5 %
darin / εκ των οποίων			
- Zucker / - Σάκχαρα	4,7 g	12 g	13 %
Eiweiß / Πρωτεΐνες	3,2 g	8,0 g	16 %
Salz / Αλάτι	0,10 g	0,25 g	4 %

*% RM - Referenzmenge für einen durchschnittlichen Erwachsenen (8400 kJ / 2000 kcal). Der Salzgehalt ist ausschließlich mit natürlich vorkommendem Natrium verbunden. Verpackung enthält 4 Portionen von Produkt.

*ΠΠΑ - προσλαμβανομενη ποσοτητα αναφοράς ενός μεσου ενηλικα (8.400 kJ / 2.000 kcal). Η περιεκτικότητα σε αλάτι οφείλεται αποκλειστικά στην παρουσία φυσικού νατρίου. Η συσκευασία 1 λίτρου περιέχει 4 μερίδες.

Mindestens haltbar bis: Datum siehe oben. Nicht über +25°C aufbewahren. Nach dem Öffnen nicht länger als 48 Stunden kühl lagern. Das Datum ist die Partienummer.

Για Ημερομηνία ανάλωσης κατά προτίμηση πριν από: ημερομηνία στο πάνω μέρος της συσκευασίας. Να φυλάσσεται σε θερμοκρασία όχι υψηλότερη από +25°C. Μετά το άνοιγμα της συσκευασίας, διατηρείστε σε ψύξη για όχι περισσότερο από 48 ώρες. Η ημερομηνία αποτελεί ταυτόχρονα τον αριθμό παρτίδας.



5 900820 016760 >



FSC
www.fsc.org

MIX

Board | Supporting
responsible forestry

FSC® C014047

Tetra Pak® chooses FSC®



VIỆN NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG DEMING
DEMING PRODUCTIVITY QUALITY INSTITUTE

Website: www.deming.vn Email: deming.vn@gmail.com



Mã số / Code
BN 55193-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày/ Date: 31/07/2023
Trang/ Page: 01/02

Tên mẫu/ Name of Sample:

SỮA TIỆT TRÙNG HAPPY BARN 3,8%

Ký hiệu mẫu/ Sample mark:

-

Số lượng mẫu/ Quantity:

01

Tình trạng mẫu/ Sample description:

Mẫu chứa trong bao bì kín

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving:

25/07/2023

Thời gian thử nghiệm/ Testing period:

25/07/2023 - 31/07/2023

Đơn vị gửi mẫu/ Client:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM THIÊN VƯƠNG

Địa chỉ/ Address:

Số 30 Nguyễn Khang, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy,
thành phố Hà Nội

Kết quả thử nghiệm/ Test results:

Xem trang 02/02

TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT 2
Head of Technical Division 2

LÊ TRỌNG NHÂN

ĐẠI DIỆN VIỆN
On behalf of the Institute

LÊ THỊ MỘNG TRINH

- (*) Phương pháp thử được công nhận ISO/IEC 17025/ Test Methods are accredited to ISO/IEC 17025.
- (**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ Tested by Subcontract.
- (c) Phương pháp thử được chỉ định/ Test methods are assigned
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi/ Test results are valid for the namely submitted sample (s) only.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Không được trích sao một phần Phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Deming/ This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Deming.

Address: Lot 21-22, B1.6, KDC Quang Thanh 3B, Hoa Khanh Bac ward, Lien Chieu district, Da Nang city

Tel: 0236.6562929 Fax: 0236.3617519

BM.06/QT.08/PQI*03/01/2022

Lần sửa đổi: 00



VIỆN NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG DEMING
DEMING PRODUCTIVITY QUALITY INSTITUTE

Website: www.deming.vn Email: deming.vn@gmail.com



Mã số / Code
BN 55193-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày/ Date: 31/07/2023
Trang/ Page: 02/02

TT No.	Chỉ tiêu thử nghiệm/ Test characteristic			Kết quả thử nghiệm/ Test result
	Tên chỉ tiêu/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử/ Test Method	
1.	Hàm lượng Protein	%	TCVN 8099-1:2015	3,51
2.	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	TCVN 10643:2014	Không phát hiện (< 0,02)
3.	Hàm lượng Aflatoxin M1	µg/kg	TCVN 6685:2009 (ISO 14501:2007)	Không phát hiện (< 0,08)
4.	Hàm lượng Benzylpenicilin	µg/kg	HD.02.252/PQI-KT2	Không phát hiện (< 1,0)
5.	Hàm lượng Procaine benzylpenicillin	µg/kg	HD.02.252/PQI-KT2	Không phát hiện (< 1,0)
6.	Hàm lượng Chlortetracycline	µg/kg	HD.02.252/PQI-KT2	Không phát hiện (< 10)
7.	Hàm lượng Oxytetracycline	µg/kg	HD.02.252/PQI-KT2	Không phát hiện (< 10)
8.	Hàm lượng Tetracycline	µg/kg	HD.02.252/PQI-KT2	Không phát hiện (< 10)
9.	Hàm lượng Dihydrostreptomycin	µg/kg	HD.02.252/PQI-KT2	Không phát hiện (< 7,0)
10.	Hàm lượng Streptomycin	µg/kg	HD.02.252/PQI-KT2	Không phát hiện (< 7,0)
11.	Hàm lượng Gentamicin	µg/kg	HD.02.252/PQI-KT2	Không phát hiện (< 2,0)
12.	Hàm lượng Spiramycin	µg/kg	HD.02.252/PQI-KT2	Không phát hiện (< 10)
13.	Hàm lượng Endosulfan	µg/kg	HD.02.240/PQI-KT2	Không phát hiện (< 10)
14.	Hàm lượng Aldrin	µg/kg	HD.02.240/PQI-KT2	Không phát hiện (< 1,0)
15.	Hàm lượng Dieldrin	µg/kg	HD.02.240/PQI-KT2	Không phát hiện (< 1,0)
16.	Hàm lượng Cyfluthrin	µg/kg	HD.02.240/PQI-KT2	Không phát hiện (< 2,0)
17.	Hàm lượng DDT	µg/kg	HD.02.240/PQI-KT2	Không phát hiện (< 2,0)
18.	Enterobacteriaceae (*)	CFU/ml	ISO 21528-2:2017	< 1 ^(#)
19.	Listeria monocytogenes (*)	CFU/ml	ISO 11290-2:2017	< 1 ^(#)

Ghi chú: (#) Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1 CFU/ml (với lượng dịch cấy là 1 ml/đĩa) nếu không có khuẩn lạc đặc trưng mọc trên đĩa khi mẫu không pha loãng.

- (*) Phương pháp thử được công nhận ISO/IEC 17025/ Test Methods are accredited to ISO/IEC 17025.
- (**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ Tested by Subcontract.
- (c) Phương pháp thử được chỉ định/ Test methods are assigned
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi/ Test results are valid for the namely submitted sample (s) only.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Không được trích sao một phần Phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Deming/ This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Deming.

Address: Lot 21-22, B1.6, KDC Quang Thanh 3B, Hoa Khanh Bac ward, Lien Chieu district, Da Nang city

Tel: 0236.6562929 Fax: 0236.3617519



HAPPY BARN

SẢN PHẨM SỮA

SỮA UHT CHỨA

3,8%

HÀM LƯỢNG CHẤT BÉO

Dinh dưỡng: Giá trị trong mỗi 250ml sản phẩm

Năng lượng	Chất béo	Chất béo bão hoà	Đường	Muối
688 kJ 165 kcal	9,5 g	5,8 g	12 g	0,25 g
8%	14%	29%	13%	4%

**Lượng tiêu thụ trung bình tham khảo dành cho một người trưởng thành
(8400kJ/2000kcal)**

Năng lượng trong mỗi 100ml sản phẩm 275k/66kcal

1L

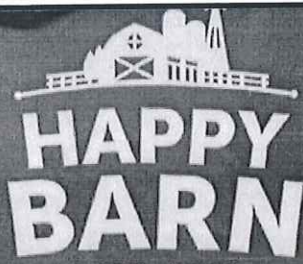
(Đã ký, đóng dấu)

CHỦ TỊCH HĐQT

PHẠM HỒNG MAI

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM THIÊN VƯƠNG

[Handwritten signature]



UHT MILK 3,8% fat content

1 LITRE

Nutrition: Typical Values	per 100 ml of product	per 250 ml of serving	% RI* per 250 ml of serving
Energy	275 kJ/66 kcal	688 kJ/165 kcal	8 %
Fat	3,8 g	9,5 g	14 %
of which:			
- Saturates	2,3 g	5,8 g	29 %
Carbohydrates	4,7 g	12 g	5 %
of which:			
- Sugars	4,7 g	12 g	13 %
Protein	3,2 g	8,0 g	16 %
Salt	0,10 g	0,25 g	4 %

*RI - Reference intake of an average adult
(8 400 kJ / 2 000 kcal)
Salt content results only from the presence
of naturally appearing sodium. Package 1 litre
contains 4 servings.
For Best Before Date: see top of the pack.
Store below +25°C. After opening keep
refrigerated for no longer than 48h.
Expiry date is the batch number.



Spółdzielnia Mleczarska „MLEKPOL” w Grajewie
Oddział Zakład Produkcji Mleczarskiej w Grajewie
ul. Elewatorska 13, 19-203 Grajewo
www.mlekpole.com.pl
Produced in Poland / hergestellt in Polen /
Παράχθηκε στην Πολωνία



HAPPY BARN

SẢN PHẨM SỮA

SỮA UHT Chứa 3,8% Hàm lượng chất béo

1 LÍT

Giá trị dinh dưỡng điển hình	Mỗi 100ml sản phẩm	Mỗi 250ml khẩu phần	Lượng tiêu thụ tham khảo cho mỗi 250ml khẩu phần
Năng lượng	275kJ/ 66kcal	688kJ/ 165kcal	8%
Chất béo	3,8g	9,5g	14%
Trong đó			
Chất béo bão hòa	2,3g	5,8g	29%
Carbohydrate	4,7g	12g	5%
Trong đó			
Đường	4,7g	12g	13%
Protein	3,2g	8,0g	16%
Muối	0,10g	0,25g	4%

Lượng tiêu thụ trung bình tham khảo dành cho một người
trưởng thành
(8400kJ/2000kcal)

Hàm lượng muối là kết quả của việc hình thành natri một cách
tự nhiên. Gói 1 lít dùng cho 4 khẩu phần ăn.
Sử dụng tốt nhất trước ngày: xem phần trên của hộp.
Bảo quản dưới +25°C. Bảo quản lạnh sau khi mở nắp và không
quá 48 giờ.
Hạn sử dụng là số lô.



Spółdzielnia Mleczarska „MLEKPOL” w Grajewie
Oddział Zakład Produkcji Mleczarskiej w Grajewie ul.
Elewatorska 13, 19-203 Grajewo
www.mlekpole.com.pl
Được sản xuất tại Ba Lan

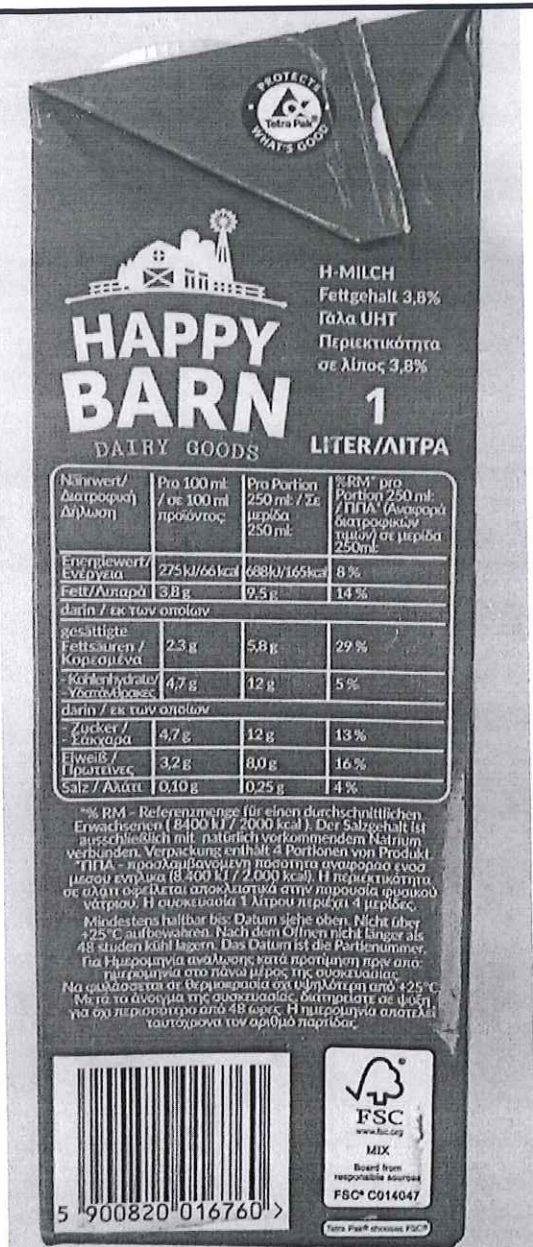
Handwritten signature and date: 11/11/2011

HAPPY BARN

SẢN PHẨM SỮA

SỮA UHT Chứa 3,8% Hàm lượng chất béo

1 LÍT



Giá trị dinh dưỡng điển hình	Mỗi 100ml sản phẩm	Mỗi 250ml khẩu phần	Lượng tiêu thụ tham khảo cho mỗi 250ml khẩu phần
Năng lượng	275kJ/66kcal	688kJ/165kcal	8%
Chất béo	3,8g	9,5g	14%
Trong đó			
Chất béo bão hòa	2,3g	5,8g	29%
Carbohydrate	4,7g	12g	5%
Trong đó			
Đường	4,7g	12g	13%
Protein	3,2g	8,0g	16%
Muối	0,10g	0,25g	4%

Lượng tiêu thụ trung bình tham khảo dành cho một người trưởng thành (8400kJ/2000kcal)

Hàm lượng muối là kết quả của việc hình thành natri một cách tự nhiên. Gói 1 lít dùng cho 4 khẩu phần ăn.

Sử dụng tốt nhất trước ngày: xem phần trên của hộp.

Bảo quản dưới +25°C. Bảo quản lạnh sau khi mở nắp và không quá 48 giờ.

Hạn sử dụng là số lô.

www.fsc.org

sản phẩm được chứng nhận đảm bảo nguồn gốc

FSC* C014047

Tetra Pak lựa chọn FSC

[Handwritten signature]

Nguyễn Đức Tuấn

Tôi, Đặng Thị Hiền Mai, CCCD số: 011300000005 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/03/2022; cam đoan dịch chính xác giấy tờ/ văn bản này từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Người dịch


Đặng Thị Hiền Mai

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 27 tháng 02 năm 2025 (Ngày hai mươi bảy, tháng hai,, năm hai nghìn không trăm hai mươi lăm).

Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tôi, - Công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật.

Nguyễn Đức Tuấn

CHỨNG NHẬN

- Bản dịch này do bà Đặng Thị Hiền Mai, CCCD số: 011300000005 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/03/2022, là cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội, đã dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt .

- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của bà Đặng Thị Hiền Mai;

- Nội dung của bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;

- Văn bản công chứng này được lập thành 2 bản chính, mỗi bản gồm...4.... tờ, ...4.....trang, lưu một (1) bản tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số công chứng:6219.... Quyển số: 01 /2025 TP/CC-SCC/BD

CÔNG CHỨNG VIÊN

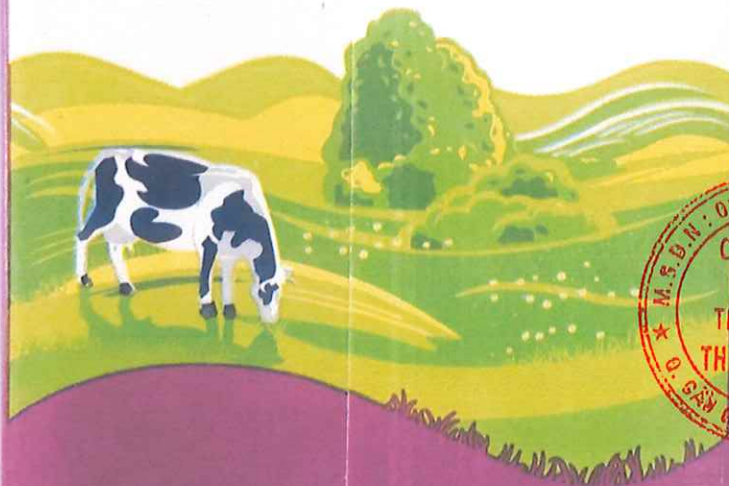


Nguyễn Đức Tuấn



HAPPY BARN

DAIRY GOODS



CHỦ TỊCH HĐQT
Phạm Hồng Mai

MILK

UHT **3,8%**

FAT CONTENT/FETTGEHALT/ΛΙΠΟΣ

H-MILCH
Γάλα UHT

Nutrition: Typical Values per 250 ml of product:

Energy	Fat	Saturates	Sugar	Salt
688 kJ 165 kcal	9,5 g	5,8 g	12 g	0,25g
8%*	14%*	29%*	13%*	4%*

*RI - Reference intake of an average adult
(8 400 kJ / 2 000 kcal)

Energy per 100 ml of product 275 kJ / 66 kcal

1L



DAIRY GOODS

UHT MILK 3,8% fat content

1 LITRE

Nutrition: Typical Values	per 100 ml of product:	per 250 ml of serving:	% RI* per 250 ml of serving:
Energy	275 kJ/66 kcal	688 kJ/165 kcal	8 %
Fat	3,8 g	9,5 g	14 %
of which:			
- Saturates	2,3 g	5,8 g	29 %
Carbohydrates	4,7 g	12 g	5 %
of which:			
- Sugars	4,7 g	12 g	13 %
Protein	3,2 g	8,0 g	16 %
Salt	0,10 g	0,25 g	4 %

*RI - Reference intake of an average adult
(8 400 kJ / 2 000 kcal)

Salt content results only from the presence
of naturally appearing sodium. Package 1 litre
contains 4 servings.

For Best Before Date: see top of the pack.

Store below +25°C. After opening keep
refrigerated for no longer than 48h.

Expiry date is the batch number.



Spółdzielnia Mleczarska „MLEKPOL” w Grajewie
Oddział Zakład Produkcji Mleczarskiej w Grajewie
ul. Elewatorska 13, 19-203 Grajewo
www.mlekpole.com.pl

Produced in Poland / Hergestellt in Polen /
Παράχθηκε στην Πολωνία





HAPPY BARN

DAIRY GOODS

H-MILCH
Fettgehalt 3,8%
Γάλα UHT
Περιεκτικότητα
σε λίπος 3,8%

1

LITER/ΛΙΤΡΑ

Nährwert/ Διατροφική Δήλωση	Pro 100 ml: / σε 100 ml προϊόντος	Pro Portion 250 ml: / Σε μερίδα 250 ml:	%RM* pro Portion 250 ml: / ΠΠΑ* (Αναφορά διατροφικών τιμών) σε μερίδα 250ml:
Energiewert/ Ενέργεια	275 kJ/66 kcal	688 kJ/165 kcal	8 %
Fett/Λιπαρά	3,8 g	9,5 g	14 %
darin / εκ των οποίων			
gesättigte Fettsäuren / Κορεσμένα	2,3 g	5,8 g	29 %
- Kohlenhydrate/ - Υδατάνθρακες	4,7 g	12 g	5 %
darin / εκ των οποίων			
- Zucker / - Σάκχαρα	4,7 g	12 g	13 %
Eiweiß/ Πρωτεΐνες	3,2 g	8,0 g	16 %
Salz / Αλάτι	0,10 g	0,25 g	4 %

*% RM - Referenzmenge für einen durchschnittlichen Erwachsenen (8400 kJ / 2000 kcal). Der Salzgehalt ist ausschließlich mit natürlich vorkommendem Natrium verbunden. Verpackung enthält 4 Portionen von Produkt.
* ΠΠΑ - προσλαμβανομένη ποσότητα αναφοράς ενήλικα (8.400 kJ / 2.000 kcal). Η περιεκτικότητα σε αλάτι οφείλεται αποκλειστικά στην παρουσία φυσικού νατρίου. Η συσκευασία 1 λίτρου περιέχει 4 μερίδες.

Mindestens haltbar bis: Datum siehe oben. Nicht über +25°C aufbewahren. Nach dem Öffnen nicht länger als 48 Stunden kühl lagern. Das Datum ist die Partienummer.
Για Ημερομηνία ανάλωσης κατά προτίμηση πριν από: ημερομηνία στο πάνω μέρος της συσκευασίας.
Να φυλάσσεται σε θερμοκρασία όχι υψηλότερη από +25°C. Μετά το άνοιγμα της συσκευασίας, διατηρείστε σε ψύξη για όχι περισσότερο από 48 ώρες. Η ημερομηνία αποτελεί ταυτόχρονα τον αριθμό παρτίδας.



Tetra Pak® chooses FSC®

Kính gửi: Phòng chất lượng và phát triển thị trường – Sở nông nghiệp và
môi trường Hà Nội

Chúng tôi: Công ty Cổ phần thực phẩm Thiên Vương
Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Khang, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chúng tôi kính gửi công văn này tới quý cơ quan về việc điều chỉnh thông tin trên TCB
và bản dịch thuật như sau:

STT	Tên sản phẩm	Số TCB	Thông tin trước khi thay đổi	Thông tin bổ sung
1	Sữa tiệt trùng happy barn 3,8 %	93/ACEFOODS/2023	Nhà sản xuất: Spółdzielnia Mleczarska “Mlepol” W Grajewie	Nhà sản xuất: Spółdzielnia Mleczarska “Mlepol” W Grajewie Oddział Zakład Produkcji Mleczarskiej W Grajewie
			Địa chỉ: Oddział Zakład Produkcji Mleczarskiej W Grajewie ul. Elewatorska 13, 19-203 Grajewo, Poland	Địa chỉ : ul. Elewatorska 13, 19-203 Grajewo, Poland
			Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát, tránh ánh	Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản dưới 25°C. Bảo quản lạnh sau khi mở nắp và không quá 48 giờ.

			năng trực tiếp. Sau khi mở nắp bảo quản lạnh 2°C- 4°C (Nên dùng hết sau 2 ngày mở nắp)	
				Bổ sung bản dịch có điều chỉnh và nhãn phụ của sản phẩm
2	Sữa tiệt trùng happy barn 3,5 %	93-1/ACEFOODS/2023	Nhà sản xuất: Spółdzielnia Mleczarska “ Mlekpól” W Grajewie	Nhà sản xuất: Spółdzielnia Mleczarska “ Mlekpól” W Grajewie Oddział Zakład Produkcji Mleczarskiej W Grajewie
			Địa chỉ: Oddział Zakład Produkcji Mleczarskiej W Grajewie ul. Elewatorska 13, 19-203 Grajewo, Poland	Địa chỉ : ul. Elewatorska 13, 19-203 Grajewo, Poland
3	Pho mai Mozzarella	32/ACEFOODS/2022	Nhà sản xuất: Spółdzielnia Mleczarska “Mlekpól” W Grajewie Địa Chỉ: Oddział Zakład Produkcji W	Nhà sản xuất: Spółdzielnia Mleczarska “Mlekpól” W Grajewie Oddział Zakład Produkcji Mleczarskiej W Kolnie Địa chỉ: ul. Mickiewicza 34, 18-500 Kolno, Poland

			Kolnie Mickiewicza 34, 18-500 Kolno, Poland	
--	--	--	--	--

Kính mong quý cơ quan tiếp nhận thông tin điều chỉnh của chúng tôi. Chúng tôi xin cam kết hàng hoá nhập khẩu, phân phối đúng tiêu chuẩn chất lượng và thực hiện hoạt động kinh doanh đúng quy định của nhà nước và pháp luật.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN



NHÃN PHỤ SẢN PHẨM

Tên sản phẩm: Sữa tiệt trùng Happy Barn 3,8 %

Thành phần: 100 % sữa bò tiệt trùng 3,8 % chất béo

Thể tích thực: 1 lít

Xuất xứ: Ba Lan

Ngày sản xuất: In trên bao bì sản phẩm

Hạn sử dụng: 12 tháng sử dụng kể từ ngày sản xuất/In trên bao bì

Hướng dẫn sử dụng: Dùng trực tiếp hoặc chế biến thức ăn

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản dưới 25°C. Bảo quản lạnh sau khi mở nắp và không quá 48 giờ.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi quá hạn sử dụng hoặc hộp có dấu hiệu bị phồng

Nhà sản xuất: Spółdzielnia Mleczarska "Mlepol" W Grajewie Oddział Zakład Produkcji Mleczarskiej W Grajewie

Địa chỉ: ul. Elewatorska 13, 19-203 Grajewo, Poland

Nhập khẩu và phân phối độc quyền:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM THIÊN VƯƠNG (ACE FOODS)

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Khang, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Hotline: 098 659 8899

Tư vấn sản phẩm: 096 2939 668

Email: info@acefoods.vn

Website: www.acefoods.vn

www.acefoodsplus.vn



CHỦ TỊCH HĐQT

Phạm Hồng Mai